

Số: 516/BC-UBND

Uông Bí, ngày 02 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Sơ kết 3 năm (2016 - 2018) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn thành phố Uông Bí

Thực hiện Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh: về việc tổ chức hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2018; văn bản số: 441/BXDNTM-XDNTM của Ban xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh về việc: thực hiện xây dựng báo cáo đánh giá kết quả trong 3 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2018. UBND thành phố Uông Bí báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2016-2018:

1. Việc thực hiện các cơ chế chính sách, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới:

- Căn cứ vào thực trạng xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn thành phố Uông Bí, Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới thành phố đưa ra quan điểm chỉ đạo xác định nhiệm vụ trọng tâm:

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 27/10/2010 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng Nông thôn mới đến năm 2020; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 03/12/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

+ Thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo tại Công văn số 14/BCDDTW-VPĐP ngày 25/8/2015 của Ban chỉ đạo Trung ương chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: về việc chỉ đạo xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

+ Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/12/2010 về việc xây dựng Nông thôn mới thị xã Uông Bí; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Uông Bí (nay là thành phố Uông Bí); Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/12/2016 của BCH Đảng bộ Thành phố về phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

+ Thực hiện tốt các nội dung tại Quyết định: 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh quyết định ban hành bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 847/QĐ-UBND ngày

17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí Khu dân cư (thôn) Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí tạm thời xây dựng vườn mẫu Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh. Quyết định số: 1593/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí tạm thời hộ gia đình Nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 -2020.

- Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới thành phố đã kiện toàn lại, ban hành qui chế phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ban chỉ đạo. Nhấn mạnh việc tiếp tục triển khai chương trình xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn Thành phố theo hướng chuyển “từ chiều rộng sang chiều sâu, từ lượng sang chất”, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí Nông thôn mới gắn với thực hiện chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm, xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu. Kiện toàn Văn phòng điều phối Nông thôn mới theo nội dung Quyết định 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND Thành phố ban hành Quyết định số: 4295/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ vật liệu xây dựng bê tông hóa đường giao thông nông thôn, khu, đường nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh, UBND thành phố Uông Bí đã ban hành Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” thành phố Uông Bí, giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số: 7873/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020; Quyết định số: 7874/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

- Chỉ đạo các đơn vị, phường, xã, phòng ban liên quan thực hiện tốt các Quyết định, qui định, hướng dẫn của UBND Tỉnh, các sở ban ngành thuộc tỉnh về chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định số: 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; Quyết định số: 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018 -2020.

2. Công tác truyền truyền vận động, kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện chương trình:

Phối hợp với các cơ quan báo chí của Trung ương, cơ quan báo chí của Tỉnh, chỉ đạo đài Truyền thanh truyền hình thành phố (nay là Trung tâm Truyền thông và Văn hóa) truyền tải các chuyên đề, chuyên trang tuyên truyền xây dựng Nông thôn mới; đã góp phần định hướng dư luận; tuyên truyền vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện chương trình Nông thôn mới; đã khắc phục một bước tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong nhân dân, tạo động lực to lớn đưa Chương trình trở thành một phong trào ngày càng lan rộng; Cung cấp Báo Quảng Ninh, Tập san chuyên đề xây dựng Nông thôn mới định kỳ hàng tuần, hàng tháng tới cấp ủy, chính quyền 02 xã và 11 nhà văn hóa thôn của 02 xã. Phát tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh kết nối bằng wifi từ máy chủ đặt tại trụ sở HĐND&UBND xã đến khu vực trung tâm các thôn và Nhà văn hóa thôn.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố đã xây dựng chương trình thống nhất hành động với các tổ chức thành viên, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố Ưông Bí trong cuộc vận động Xây dựng Nông thôn mới. Triển khai vận động “Giới thiệu địa chỉ hỗ trợ” tới doanh nghiệp, đơn vị đảm nhận hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở, cung cấp con giống, công cụ lao động, hỗ trợ phát triển sản xuất, xây nhà vệ sinh, bể chứa nước,...

Ủy ban nhân dân thành phố Ưông Bí tổ chức Hội nghị mời các doanh nghiệp trên địa bàn phát động phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp với nhân dân và cán bộ cơ sở với chủ đề “Xây dựng Nông thôn mới bền vững”.

Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”, mô hình “5 không, 3 sạch”, hưởng ứng ngày “Chủ nhật xanh” bằng nhiều hình thức với sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã, thôn. Các xã xây dựng tin, bài (trên 70 tin bài) về chủ đề xây dựng Nông thôn mới, phát triển sản xuất, tăng số lượng phát thanh qua hệ thống loa truyền thanh của xã và các thôn.

Công tác kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình được thực hiện thường xuyên: Trong quá trình triển khai thực hiện, các phòng, ban chuyên môn thường xuyên kiểm tra, giám sát việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn xây dựng Nông thôn mới. Cơ quan Thường trực Chương trình (phòng Kinh tế) phối hợp với các phòng, ban hàng năm kiểm tra việc thực hiện của các địa phương. Ngoài ra, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Chương trình theo kế hoạch công tác: Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra Tỉnh, Ban Xây dựng nông thôn mới, Sở Tài chính, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố,...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2016-2018:

1. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng Nông thôn mới (có các biểu kèm theo):

1.1. Công tác quy hoạch và phát triển theo quy hoạch

UBND Thành phố tập trung chung chỉ đạo 02 xã Điện Công và Thượng Yên Công, các phòng ban có liên quan rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch xây dựng Nông thôn mới đã được phê duyệt theo yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn 2017-2020, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, an ninh trật tự và tập quán sinh hoạt của vùng nông thôn, đảm bảo hài hòa trong việc chỉnh trang các khu dân cư nông thôn.

1.2. Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội:

Năm 2016-2018, từ nguồn vốn xây dựng Nông thôn mới đã triển khai thực hiện các công trình hạ tầng kinh tế - xã Hội như: đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng hệ thống điện chiếu sáng, sửa chữa nâng cấp trạm y tế, trường học, nhà văn hóa thôn... để nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015 với tổng kinh phí ước tính: trên 36 tỷ đồng. Chiều dài các tuyến đường trục thôn, trục xóm trên địa bàn 02 xã là 30,5 km, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%, tỷ lệ bê tông hóa đến nay đã đạt bình quân trên 90%; tổng số km kênh mương nội đồng 13,9 km, tỷ lệ kiên cố hóa đến nay đạt 97,6%.

1.3. Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Tiếp tục thực hiện Đề án 125 về phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển các sản phẩm có lợi thế như Thanh long ruột đỏ, Vải chín sớm, Mai vàng Yên Tử... cơ cấu cây trồng, vật nuôi dần được dịch chuyển theo hướng sản xuất tập trung.

Căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Dự án Phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm một số sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; UBND Thành phố đã giao Phòng Kinh tế Thành phố phối hợp với Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh triển khai thực hiện Dự án phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm thịt lợn ATTP trên địa bàn Thành phố.

Chuỗi thịt lợn triển khai tại: 02 cơ sở chăn nuôi tại xã Thượng Yên Công và phường Phương Nam; 01 cơ sở giết mổ tập trung của Công ty Vàng Thanh Dương tại phường Quang Trung, 01 cơ sở tập trung của Công ty TNHH Đức Hà tại Bãi to - Miếu Thán, phường Vàng Danh; 02 công ty kinh doanh thực phẩm tại phường Yên Thanh và Trung Vương. Triển khai thực hiện các mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn tại xã Điện Công.

- Chương trình Mỗi xã, phường một sản phẩm được chú trọng quan tâm, trong hơn 2 năm số sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố là 33 sản phẩm, trong đó có 06 sản phẩm đạt 4 sao, 01 sản phẩm đạt 5 sao, số sản phẩm đăng ký mới trong 09 tháng đầu năm 2018 là 09 sản phẩm.

1.4. Văn hóa xã hội, môi trường

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được người dân hưởng ứng tham gia tại các nhà văn hóa thôn trong các dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của cả nước, của địa phương, ngày kỷ niệm các hội, đoàn thể, ngày tết Nguyên đán, ngày sinh nhật Bác...

- Trường học các cấp trên địa bàn 02 xã giữ vững tiêu chí đạt chuẩn quốc gia. Đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp tại địa phương, phấn đấu giữ vững tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp 1, cấp 2 đạt 100%; trên địa bàn 02 xã không có trẻ em mù chữ; Tỷ lệ học sinh tiếp tục tham gia học lên cấp 3 và các trường nghề đạt 95%.

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn về y tế, chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn được nâng cao. Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu, dự án, chương trình quốc gia về Y tế, Dân số - KHHGĐ. Phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế, phòng chống dịch bệnh ở người, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý hành nghề y, dược tư nhân. Công tác khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã được củng cố. Xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã theo Bộ tiêu chí mới. Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi giảm còn dưới 12%.

- Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh duy trì đảm bảo 100%. Tỷ lệ hộ có bể chứa nước, nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh được duy trì đảm bảo tại xã Điện Công; tại xã Thượng Yên Công tỷ lệ bể chứa nước, nhà tắm hợp vệ sinh đạt chỉ tiêu; còn tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh chưa đạt yêu cầu của tiêu chí (ước tính đến thời điểm hiện tại là: 88 %, yêu cầu của tiêu chí là > 90%).

- Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước; được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; chất thải chăn nuôi được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh, tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi gia súc đảm bảo vệ sinh môi trường đối với 02 xã đạt 80,6%, đạt theo qui định.

- Các khu tập kết rác thải được đảm bảo vệ sinh, tổ chức các buổi tuyên truyền, hoạt động về môi trường. Công tác thu gom quản lý chất thải rắn, nước thải ở khu vực nông thôn đã được người dân thường xuyên quan tâm, vệ sinh môi trường nông thôn được đảm bảo. Duy trì và thực hiện tốt phong trào “ngày chủ nhật xanh”.

1.5. Về an ninh, trật tự xã hội

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, duy trì tốt chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu, triển khai thực hiện tốt các đợt cao điểm tấn công trấn át tội phạm, tình hình an ninh chính trị trật tự trên địa bàn nông thôn được giữ vững, trên địa bàn không có "điểm nóng" về an ninh trật tự.

Thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không xảy ra trọng án; tội phạm tệ nạn xã hội (nghiện hút, cờ bạc, trộm cắp...) được kiềm chế, giảm so với các năm trước.

1.6. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, Chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong phong trào xây dựng nông thôn mới; cải

thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã. Cán bộ, công chức xã được đào tạo ngạch chuyên viên, tham gia đầy đủ các buổi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội do cấp trên tổ chức.

- Thường xuyên quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân về cải cách hành chính; năng lực quản trị và hành chính công (chỉ số PAPI); hiệu lực, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền đối với sự phát triển bền vững của tỉnh, của thành phố và của xã.

- Thực hiện tốt chế độ trực tại bộ phận (Một cửa), tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đúng thời gian quy định. Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, UBND xã đã trang bị Kiosk phục vụ công dân tra cứu các thông tin. Đồng thời việc công khai, minh bạch, phát huy vai trò dân chủ trực tiếp của nhân dân, người lao động trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhất là các lĩnh vực: kế hoạch thu, chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản,... cũng được thực hiện tốt.

- UBND 02 xã phối hợp với phòng Tư pháp thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho nhân dân trên địa bàn; tại nhà văn hóa các thôn đều có các tủ sách pháp luật, được trang bị máy tính, 11/11 máy tính có kết nối internet để nhân dân tìm hiểu và tra cứu thông tin, kiến thức.

Thực hiện cuộc vận động “5 không, 3 sạch”, cuộc vận động này được đông đảo hội viên tham gia. Kết quả trên là tiền đề quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và phong trào xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn 02 xã.

1.7. Kết quả xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu

Thành phố tổ chức 03 Hội nghị, 01 tại Trung tâm tổ chức hội nghị thành phố, 02 Hội nghị tại 02 xã nhằm quán triệt và cụ thể hóa Kết luận số 03-KL/BCĐ-TU ngày 19/12/2016 của Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới tỉnh và triển khai nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, các Quyết định 847, 848, 849, 1593... của UBND tỉnh Quảng Ninh về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, hộ mẫu; Tiếp sau hội nghị, Văn phòng điều phối thành phố cung cấp slide trình chiếu xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu để cán bộ 02 xã chủ động họp các khu dân cư (các cuộc họp chủ yếu thực hiện vào các buổi tối tại nhà văn hóa thôn) với tổng số trên 50 cuộc họp (với hơn 2.000 lượt người tham gia); biên soạn ấn phẩm tuyên truyền, lắp đặt panô, áp phích, khẩu hiệu tuyên truyền trực quan tại trụ sở HĐND-UBND 02 xã và các Nhà văn hóa thôn; Phát hành tờ rơi và phát loa tuyên truyền, và bài hát “Quảng Ninh hát về Nông thôn mới” tại 11 thôn của 02 xã về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới kiểu mẫu.

- Công tác đào tạo, tập huấn cán bộ: Tổ chức 02 đoàn cán bộ thành phố, 02 xã, 11 thôn cùng các hộ nông dân đăng ký thực hiện vườn mẫu, hộ mẫu, học tập kinh nghiệm tại tỉnh Hà Tĩnh, thị xã Đông Triều vào tháng 3 và tháng

7/2017; tổ chức cho cán bộ địa chính 02 xã thực hành lập sơ đồ quy hoạch vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu; phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo, cán bộ Văn phòng điều phối thành phố, lãnh đạo, cán bộ theo dõi Chương trình xây dựng NTM 02 xã tham gia tập huấn, bồi dưỡng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới hàng năm do Ban xây dựng Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh tổ chức.

- Đã in ấn và lắp đặt 19 bảng Pano tuyên truyền về bộ tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu, Khu dân cư (thôn) NTM kiểu mẫu, Hộ gia đình NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu theo các Quyết định của UBND Tỉnh đặt tại Trụ sở UBND 02 xã và Nhà văn hóa 11 thôn (xã Điền Công 04 bảng, xã Thượng Yên Công 15 bảng).

- Đường trục xã, liên xã được cấm biển báo chỉ dẫn giao thông, trồng bổ sung cây xanh, cây bóng mát, bồn hoa cây cảnh hoặc cây có hoa hai bên đường, trồng cây tạo cảnh quan trên các tuyến đường, đường trục chính liên xã, trồng cây tạo hàng rào xanh, đường viền xanh; đường trục thôn trồng cây tạo hàng rào xanh. Riêng tại xã Điền Công đường trục 03 thôn được cấm biển báo giao thông, biển chỉ dẫn đầu các trục thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện mặt bằng thiết kế quy hoạch chi tiết, lập dự toán các tuyến đường ngõ, xóm; vẽ sơ đồ quy hoạch khu dân cư, vẽ sơ đồ quy hoạch, thiết kế vườn hộ. Lựa chọn các hộ gia đình có diện tích vườn phù hợp để xây dựng các vườn mẫu, vận động các hộ gia đình có vườn còn lại quy hoạch lại vườn của gia đình lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương để tăng hiệu quả kinh tế, tạo thu nhập cho hộ gia đình.

- Nhà văn hóa các thôn trên địa bàn 02 xã: Bố trí tủ sách có ít nhất 100 đầu sách; hệ thống âm thanh và trang thiết bị khác đảm bảo cho sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; tại 02 xã đã chỉnh trang khuôn viên trụ sở UBND xã và tại các Nhà văn hóa bằng việc trồng cây bóng mát, đặt các chậu hoa trong khuôn viên, thường xuyên quét dọn xấp xếp gọn gàng ngăn nắp và thực hiện trồng cây cảnh quan.

- Trong năm 2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã Nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số: 3923/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020; UBND thành phố đã chỉ đạo Văn phòng điều phối Nông thôn mới, UBND 02 xã, các phòng ban đơn vị liên quan rà soát đánh giá các tiêu chí và tổ chức thực hiện nội dung của các Quyết định nêu trên.

2. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2018:

2.1. Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (năm 2016, 2017, dự kiến 2018):

Tổng huy động : 41.114,806 triệu đồng. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách nhà nước: 34.463,606 triệu đồng

- + Ngân sách trung ương: 1.000 triệu đồng;
- + Ngân sách tỉnh: 3.000 triệu đồng;
- + Ngân sách thành phố: 12.214,031 triệu đồng;
- + Ngân sách xã: 18.249,575 triệu đồng.
- Huy động vốn ngoài ngân sách: 6.651,2 triệu đồng
- + Vốn các tổ chức doanh nghiệp: 3.495 triệu đồng
- + Vốn huy động từ nhân dân: 3.156,2 triệu đồng;

2.2. Đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công trong phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình:

- Thành phố Uông Bí đã chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công trong phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình;

- Thực hiện phân cấp tối đa nguồn vốn cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư đối với các công trình có quy mô nhỏ, thiết kế kỹ thuật đơn giản, các công trình đường ngõ xóm, công trình nội đồng, nước sinh hoạt cần có sự huy động cộng đồng dân cư cùng tham gia và chỉ đạo các xã giao cho các tổ, đội và tổ hợp tác có chuyên môn về xây dựng trên địa bàn các xã thực hiện.

- Công tác huy động nguồn lực được Thành phố quan tâm chỉ đạo; ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, thành phố đã tích cực tuyên truyền kêu gọi các cơ quan đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp,... hỗ trợ giúp đỡ về vật liệu, kinh phí, công trình; Đặc biệt là vận động nhân dân chung sức đóng góp ngày công lao động, hiến đất, hoa màu để làm công trình hạ tầng, vệ sinh môi trường và tham gia các dự án phát triển sản xuất.

3. Kết quả xây dựng Nông thôn mới:

Tổng số xã trên địa bàn Thành phố: 02 xã.

Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới: 02 xã (được công nhận tại Quyết định số: 223 ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

Tỷ lệ đạt chuẩn Nông thôn mới: 2/2 xã đạt 100%.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Xác định xây dựng Nông thôn mới là một trong các nhiệm vụ quan trọng có tính chiến lược để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Uông Bí lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của HĐND thành phố, đồng thời thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thời gian qua, Đảng bộ, chính quyền thành phố đã tăng cường lãnh đạo,

chỉ đạo, điều hành quyết liệt cùng với sự tham gia của MTTQVN thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố.

Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực, trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa xây dựng nông thôn mới, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về lợi ích trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới, tự nguyện góp công sức, trí tuệ, tiền của, hiến đất xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chuyển biến theo hướng tích cực, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp hàng năm đều tăng. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng được nâng cao.

Đảng uỷ, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội tại các xã đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân; có sự phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chuyên môn của Thành phố trong tổ chức thực hiện; bám sát tình hình thực tế, tổ chức rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới tại cơ sở; huy động mọi nguồn lực, cùng chung tay, góp sức xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí Nông thôn mới.

Nhân dân các xã cơ bản đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động, xác định nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới là trách nhiệm của mỗi người dân; người dân được hưởng lợi ích trực tiếp từ kết quả của chương trình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. 2/2 xã đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015, từ 2016 đến nay tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí theo Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND Tỉnh, thực hiện triển khai thực hiện phong trào xây dựng Nông thôn kiểu mẫu đã đạt được kết quả nhất định.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Những kết quả đã đạt được trong phong trào xây dựng Nông thôn mới vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với điều kiện, tiềm năng thế mạnh của địa phương; việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn thụ động, lúng túng; tập quán canh tác, cách thức sản xuất của nông dân còn nhỏ lẻ, phân tán.

- Do đặc thù khu vực nông thôn của Thành phố nằm trong vùng kinh tế tổng hợp, đa dạng ngành nghề, thu nhập theo hướng nông nghiệp thấp nên người dân chưa thực sự tâm huyết với sản xuất nông nghiệp. Tình trạng lao động nông

thôn tại các xã đi làm thuê, chưa chú trọng đến việc chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế bền vững vẫn còn xảy ra.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, nội dung xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 tại địa bàn cả 02 xã chưa thực sự hiệu quả, nhiều hộ dân, kể cả cán bộ còn chưa nắm rõ chỉ đạo của Thành phố, nội dung các chỉ tiêu về xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới kiểu mẫu, Nông thôn mới nâng cao, các cơ chế khuyến khích trong sản xuất nông nghiệp để vận dụng thực hiện. Một bộ phận nhân dân các xã đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động song phần lớn người dân chưa nhận thức đầy đủ, chưa tích cực vào cuộc, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước.

- Việc chỉnh trang cảnh quan, môi trường được thực hiện nhưng chưa đồng bộ, thiếu nhất quán dẫn đến tình trạng dàn trải và mang tính hình thức, còn chậm chưa thực sự chú ý tới những yêu cầu của tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm và tiêu chí xây dựng khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu, Nông thôn mới nâng cao.

- Người dân chưa chú trọng tới việc đổi mới cơ cấu giống vật nuôi cây trồng để phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng và đặc điểm riêng của từng xã, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế, việc chưa tuân thủ lịch thời vụ trong gieo trồng còn xảy ra. Do đó hiệu quả kinh tế trong đầu tư phát triển sản xuất mang lại chưa cao.

*** Nguyên nhân:**

- Một bộ phận nhân dân các xã đã có chuyển biến tích cực từ nhận thức tới hành động song phần lớn người dân chưa nhận thức đầy đủ, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước.

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới ở cấp ủy các xã có thời điểm còn chưa thực sự sâu sát, các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và vận động nhân dân; sự phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn của Thành phố trong tổ chức thực hiện chưa thực sự chặt chẽ; chưa bám sát tình hình thực tế, tổ chức rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí; việc huy động mọi nguồn lực, cùng chung tay, góp sức xây dựng các chỉ tiêu, tiêu chí Nông thôn mới còn hạn chế.

- Trong sản xuất nông nghiệp, giá cả thị trường có nhiều biến động, nhất là xăng, dầu, phân bón, thức ăn chăn nuôi... mặt khác, do diễn biến thời tiết bất thường, dịch bệnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

3. Bài học kinh nghiệm

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể; Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện, khen thưởng động viên và kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó

khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở. Đồng thời, phải có bộ máy giúp việc đủ năng lực, chuyên nghiệp, sát thực tế sẽ là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác chỉ đạo có hiệu quả.

- Kế hoạch triển khai xây dựng Nông thôn mới phải cụ thể, chi tiết, xác định rõ nguồn lực, đảm bảo tính khả thi; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, vai trò của Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, tinh thần gương mẫu của gia đình cán bộ, đảng viên.

- Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải là giải pháp quan trọng hàng đầu. Làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công, của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình là yếu tố quyết định sự thành công của Chương trình.

- Phải bám sát điều kiện thực tiễn của từng xã, nhằm lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng sáng tạo lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực đa dạng; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2018-2020:

1. Mục tiêu đến năm 2020:

- Phân đầu hết năm 2020, xã Điện Công đạt xã Nông thôn mới kiểu mẫu, xã Thượng Yên Công đạt chuẩn tiêu chí số 20, quy định tại Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020.

- Tập trung triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục phát triển vùng sản xuất tập trung như Thanh long ruột đỏ, Rau an toàn, nuôi trồng thủy sản; phát triển kinh tế trang trại, gia trại, nâng giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác, tăng hệ số sử dụng đất.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Nông thôn mới, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới: (1) Tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực tổ chức, quản lý thực hiện cho từ cán bộ chuyên trách Nông thôn mới của thành phố đến cán bộ xã, thôn. (2) Thực hiện công tác luân chuyển cán bộ từ các phòng, ban của thành phố, thu hút trí thức về xã. (3) Phát huy dân chủ trong xây dựng Nông thôn mới.

- Xây dựng quy chế duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn theo hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, vận động nhân dân thường xuyên tổ chức duy tu, bảo dưỡng đường giao thông góp phần làm cho đường làng, ngõ xóm sang, xanh, sạch, đẹp và đảm bảo thuận tiện, phục vụ khai thác sử dụng có hiệu quả công trình được đầu tư.

- Về bảo vệ môi trường nông thôn: Tập trung giải quyết vấn đề bức xúc về môi trường nông thôn; vận động các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp và nhân dân

trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn kiểu mẫu.

- Về xây dựng đời sống văn hóa nông thôn: Kêu gọi các doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ các thôn mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa, khu thể thao thôn thiết thực với người dân ở các thôn, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn nông thôn; tổ chức hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ tại thôn mục tiêu đến hết năm 2020 có trên 60% số người thường xuyên tham gia hoạt động thể dục, thể thao, có trên 40% số người thường xuyên tham gia các hoạt động văn nghệ, hỗ trợ phát triển hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em, xây dựng mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự xã hội ở thôn, xóm, xây dựng hương ước nêu cao tính tự giác, đoàn kết của cộng đồng.

- Kiểm soát 100% các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống,... không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

2. Dự kiến vốn giai đoạn 2019-2020:

Tổng huy động : 47.682,6 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách thành phố: 23.116 triệu đồng,

+ Ngân sách xã: 7000 triệu đồng,

+ Vốn các tổ chức doanh nghiệp: 8.000 triệu đồng,

+ Vốn huy động từ nhân dân: 9.566,6 triệu đồng.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ và nhân dân về mục đích, nhiệm vụ chỉ tiêu thực hiện xây dựng Nông thôn mới, vận động người dân hưởng ứng tham gia góp công, góp sức thực hiện phong trào chung sức xây dựng Nông thôn mới.

- Rà soát, bổ sung, quản lý, thực hiện đồng bộ các quy hoạch: quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng Nông thôn mới để tạo sự thống nhất không chồng chéo trong quá trình thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án PTSX chương trình Nông thôn mới; Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người dân tham gia các dự án phát triển sản xuất. Duy trì, nâng chất, phát triển sản phẩm tham gia Chương trình OCOP hàng năm theo Kế hoạch.

- Triển khai các dự án xây dựng hạ tầng, thôn kiểu mẫu; chỉ đạo các xã tổ chức thi công các công trình giao thông, vệ sinh môi trường, thủy lợi, nước sinh hoạt, cải thiện nhà ở trên địa bàn theo kế hoạch. Vận động nhân dân xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà ở chưa đạt chuẩn và các công trình vệ sinh, môi trường, thực hiện nếp sống văn minh.

- Văn hóa - Giáo dục - Môi trường: duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục; tuyên truyền vận động HS tốt nghiệp THCS hàng năm đăng ký dự tuyển vào lớp 10. Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các cấp về nghiệp vụ

truyền thông, thông tin tuyên truyền xây dựng NTM; hướng dẫn tổ chức các hoạt động VHVN, TDDT, lễ hội. Tiếp tục vận động nhân dân thực hiện nếp sống ăn ở hợp vệ sinh; đảm bảo an sinh xã hội.

- Hệ thống chính trị, quốc phòng an ninh: tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã; nâng cao hiệu quả hoạt động, tham gia chương trình Nông thôn mới của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, nhất là các tiêu chí khó như nhà ở, môi trường, giảm nghèo,...; duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác huấn luyện các LLVT theo kế hoạch. Tăng cường quản lý nắm chắc địa bàn, đảm bảo ANTT, ATXH, chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời các vụ việc ngay từ cơ sở.

- Thực hiện thôn mẫu, vườn mẫu, hộ mẫu: chỉ đạo các xã bám sát theo các tiêu chí, chỉ tiêu về thôn mẫu, hộ gia đình kiểu mẫu, vườn mẫu; xác định rõ các nội dung chưa đạt để tập trung chỉ đạo đạt hiệu quả.

- Giải pháp về nguồn vốn: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, ngoài nguồn vốn ngân sách, phải tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng dân cư, đặc biệt là các cơ chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực xã hội, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hợp tác với nông dân phát triển sản xuất (nguồn lực tư vấn khoa học công nghệ, nguồn vốn tín dụng, các quỹ đầu tư, nguồn vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã,...). Áp dụng thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ lãi suất linh hoạt theo vùng và đối tượng, đối tượng cây, con cần phát triển để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Trên đây là Báo cáo kết quả 3 năm (2016-2018) thực hiện chương trình xây dựng NTM của thành phố Uông Bí./. *sw*

Nơi nhận:

- Ban XDNTM tỉnh (b/c);
- TT Thành ủy, TTHĐND (b/c)
- CT, các PCT UBND TP (b/c);
- VP điều phối NTM; các đơn vị liên quan;
- UBND xã: Điện Công; Thượng Yên Công;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Đình Sách

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Đến 30/10/2018	ƯTH đến 31/12/2018
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã		19	19	18	18,5	19
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn						
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã						
	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có Quyết định công nhận	xã	2	2	1	1	2
	Số xã đạt 18 tiêu chí				1	1	
	Số xã đạt 17 tiêu chí						
						
	Số xã đạt 01 tiêu chí						
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí	xã	2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông		2	2	1	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về chợ nông thôn		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về bưu điện		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư		2	2	2	2	2



TT	MỤC TIÊU	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Đến 30/10/2018	ƯTH đến 31/12/2018
	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về hình thức tổ chức sản xuất		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường		2	2	1	1	2
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững vàng		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về an ninh trật tự		2	2	2	2	2
	Số xã đạt tiêu chí số 20 về khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu						
5	Một số chỉ tiêu cơ bản						
	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	Tr. Đôn	35	37,2	39,3	41	41
	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	2,54	2,16	1,38	1,38	1,02
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	86	90	93,3	98	98
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	75	80	83	90	90



BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

TT	Nội dung	ĐVT	Hiện trạng năm 2015	KQ đến 30/10/2018	ƯTH đến hết năm 2018	So sánh 2018-2015	Ghi chú
I	CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ TRỰC TIẾP NÔNG NGHIỆP						
1	Cơ sở nghiên cứu KHKT phục vụ nông lâm ngư nghiệp	cs					
2	Cơ sở chế biến, bảo quản phục vụ nông lâm ngư	cs					
3	Công trình thủy lợi	ct					
3.1	Công trình thủy lợi vừa và nhỏ	ct	5	5	5	100%	
	Trong đó: - Xây mới	ct	1				
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct	2	2	2		
3.2	Công trình nước sạch	ct	3	3	3	100%	
	Trong đó: - Xây mới	ct	1				
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct					
3.3	Hồ chứa nước	ct	0	0	0	0	
	Trong đó: - Xây mới	ct					
	- Sửa chữa, nâng cấp	ct					
	- Tổng dung tích	Triệu m ³					
3.4	Số Km Kênh mương	km	13,9	13,9	13,9	100%	
	Trong đó: - Km kênh mương được kiên cố hóa	km	12,5	13,58	13,58		
	- Tỷ lệ %	%	89,9		97,6	109%	
3.5	Diện tích đất nông nghiệp	ha					
	Trong đó: - Diện tích được tưới tiêu chủ động	ha					
	- Tỷ lệ %	%					
4	Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	99	100	100		

TT	Nội dung	ĐVT	Hiện trạng năm 2015	KQ đến 30/10/2018	ƯTH đến hết năm 2018	So sánh 2018-2015	Ghi chú
II	CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN THEO TIÊU CHÍ NTM						
1	Giao thông						
1.1	Đường trục xã và đường từ TT xã đến đường huyện (chỉ tiêu 2.1)	km	16,2	16,2	16,2	100%	
	Trong đó: số Km được cứng hóa	km	16,2	16,2	16,2		
	- Tỷ lệ %	%					
1.2	Đường trục thôn (chỉ tiêu 2.2)	km	11,44	11,44	11,44	100%	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	11,44	11,44	11,44		
	- Tỷ lệ %	%					
1.3	Đường ngõ xóm (chỉ tiêu 2.3)	km	16,06	16,06	16,06	100%	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	16,06	16,06	16,06		
	- Tỷ lệ %	%					
1.4	Đường trục chính nội đồng (chỉ tiêu 2.4)	km	14,034	14,034	14,034	100%	
	Trong đó: số km được cứng hóa	km	14,034	14,034	14,034		
	- Tỷ lệ %	%					
2	Điện (Tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên an toàn)	%	100	100	100	100%	
3	Trường học						
3.1	Tổng số trường học	tr	7	7	7	100%	
3.2	Số trường đã đạt chuẩn	tr	7	7	7		
3.2	Xây mới, sửa chữa nâng cấp	tr					
	Trong đó: - Số trường xây mới	tr					
	- Số trường sửa chữa, nâng cấp	tr					
4	Nhà văn hóa hoặc HT đa năng và sân thể thao xã	ct	2	2	2	100%	
4.1	Xây mới	nhà					
4.2	Sửa chữa, nâng cấp	nhà					
5	Nhà văn hóa thôn	nhà	11	11	11	100%	
5.1	Xây mới	nhà					
5.2	Sửa chữa, nâng cấp	nhà	9				
6	Chợ nông thôn						

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Ông Bì)

TT	Tên tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Xã Thượng Yên Công	Xã Điền Công
1	Phát triển sản xuất	1,1	Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng hoá chủ lực của xã, huyện, tỉnh gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt	Đạt	Đạt
		1,2	Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.	Đạt	Đạt	Chưa đạt
		1,3	Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; Có kế hoạch thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.	Đạt	Đạt	Có nhưng hoạt động không hiệu quả
		1,4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, đáp ứng quy định về ghi nhãn hàng hóa, tiêu chuẩn đo lường, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, công bố tiêu chuẩn theo quy định và dán tem truy xuất nguồn gốc.	Đạt	Đạt	Chưa có sản phẩm tham gia chương trình OCOP
		1,5	Thực hiện cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực.	Đạt	Đạt	Đạt
		1,6	Có ít nhất 01 mô hình tích tụ ruộng đất (thuê, liên kết, hợp tác sản xuất)	Đạt	Đạt	Đạt
2	Thu nhập - Hộ nghèo	2,1	Thu nhập phải cao hơn từ 1,2 lần trở lên so với thời điểm công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.	Đạt	Không đạt	Đạt
		2,2	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng.	Đạt	Đạt	Đạt
		3,1	Có hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và trồng cây xanh tại các tuyến đường khu trung tâm tập trung dân cư	Đạt	Đạt	Đạt
		3,2	Các công trình hạ tầng được quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp phát huy hiệu quả đầu tư.	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Xã Thượng Yên Công	Xã Điền Công
3	Hạ tầng	3,3 3,4 3,5 3,6	Hệ thống thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới, tiêu toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp tập trung của xã. Xã và các thôn có công chào (thôn đạt 70%; khuyến khích trồng, tạo dáng công chào bằng cây xanh) Nhà văn hóa, Khu thể thao xã và thôn được xanh hoá (thôn 70%) Có tên đường, số nhà trên các tuyến chính đường liên thôn, liên xã.	Đạt Đạt Đạt Đạt	Đạt Chưa đạt Đạt Đạt	Đạt Chưa đạt Đạt Đạt
4	Giáo dục - Y tế - Văn hoá	4,1 4,2 4,3 4,4 4,5	Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2; Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được bảo đảm thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương, xây dựng cộng đồng văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo. Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro, thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi các thức thức làm ăn phù hợp.	Đạt Đạt Đạt Đạt Đạt	Đạt Đạt Đạt Đạt Đạt	Đạt Đạt Đạt Đạt Đạt
5	Môi trường	5,1 5,2 5,3	Có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ được bản sắc văn hoá tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác tại nguồn. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt Đạt Đạt	Đạt Chưa đạt Đạt	Đạt Đạt Đạt

TT	Tên tiêu chí	Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu	Xã Thượng Yên Công	Xã Diên Công
		5,4	Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 70% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được thu gom xử lý theo đúng quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
6	Hệ thống chính trị	6,1	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định 6 nội dung của thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính (niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính; rà soát kiến nghị để đơn giản hóa thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức; công dân đúng quy định, đảm bảo 100% đúng hạn).	Đạt	Đạt	Đạt
		6,2	Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn bản áp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.	Đạt	Đạt	Đạt
7	An ninh trật tự	7,1	Tỷ lệ thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn "An toàn về ANTT" đạt 100%; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
8	Khu dân cư kiểu mẫu	8,1	(1) Các xã khu vực I tối thiểu có 50% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Các xã khu vực II, III tối thiểu có 30% số thôn trong xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt



BIỂU TÔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ (THÔN) NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
 (Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Ưông Bì)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện (thôn)			Kết quả thực hiện đến (thôn)			Số thôn chưa đạt chuẩn	Ghi chú
		Tổng số	Năm 2017	Năm 2018	Tổng số	Số thôn đã đạt chuẩn (đến 30/10/2018)	Số thôn đã đạt chuẩn (ƯTH đến 31/12/2018)		
1	Xã Điện Công	2	1	1	2	0	1		
2	Xã Thượng Yên Công	4	1	3	4	0	3		
	Cộng	6	2	4	6	0	4		



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG VƯỜN MÀU NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện (vườn)			Kết quả thực hiện (vườn)							Ghi chú
		Tổng số	Năm 2017	Năm 2018	Tổng số	Số vườn đạt chuẩn (đến 30/10/2018)	Số vườn đạt chuẩn (UTH đến 31/12/2018)	Số vườn chưa đạt chuẩn	Chia ra các loại			
									Số lượng vườn đạt 8-11 chỉ tiêu	Số lượng vườn đạt 5-7 chỉ tiêu	Số lượng vườn đạt dưới 5 chỉ tiêu	
1	Xã Điện Công	11	5	6	11	0	5	5	5	5	0	
2	Xã Thượng Yên Công	14	5	9	14	0	8	6	8	6	0	
	Cộng	25	10	15	25	0	13	11	13	11	0	



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÂY DỰNG HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

(Kèm theo Báo cáo số: 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch thực hiện (hộ)			Kết quả thực hiện (hộ)			Số hộ chưa đạt chuẩn	Ghi chú
		Tổng số	Năm 2017	Năm 2018	Cộng	Số hộ đạt chuẩn (đến 30/10/2018)	Số hộ đạt chuẩn (WTH đến 31/12/2018)		
1	Xã Điện Công	11	5	6	11	8	8	2	
2	Xã Thượng Yên Công	14	5	9	14	5	10	4	
	Cộng	25	10	15	25	13	18	6	



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2019-2020**

(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Giai đoạn 2016-2018	Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Dự kiến giai đoạn 2019-2020
	TỔNG SỐ	41114,806	10333,238	15826,468	14955,1	47682,6
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1000			1000	
1	Trái phiếu Chính phủ					
2	Đầu tư phát triển	1000			1000	
3	Sự nghiệp					
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	33463,606	10333,238	12065,768	11064,6	30116
1	Tỉnh	3000	3000			
2	Huyện	12214,031		9789,031	2425	23116
3	Xã	18249,575	7333,238	2276,737	8639,6	7000
III	VỐN LÒNG GHEP (135, đào tạo nghề, khác...)					
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)					
V	VỐN DOANH NGHIỆP	3495		3495		8000
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	3156,2		265,7	2890,5	9566,6

(*): **Vốn tín dụng:** do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các huyện, thị xã, thành phố cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Khối lượng thực hiện		Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2016-2018														
		ĐVT	Số lượng	Tổng số	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp						Tổng số	Ngân sách địa phương			Lồng ghép	Tin dụng	Doanh nghiệp	Dân góp
					Ngân sách Trung ương			Tỉnh	Huyện	Xã								
					TPCP	ĐPPT	SN											
1	Nâng cao năng lực xây dựng NTM			50														
2	Truyền thông về xây dựng NTM			89,16														
3	Giám sát, đánh giá																	
4	Quy hoạch xây dựng NTM																	
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội																	
5.1	Giao thông			36289,67	1000						3000	14123,728	16086,038					2810,5
5.2	Thủy lợi			4250,89								6719,495	9591,146			3294	1700,5	
5.3	Điện nông thôn			4823,676								1775,193	3048,483					
5.4	Trường học			19									19					
5.5	Trường học			1659								1448	212					
5.5	CSVC Văn hóa			8809,6	1000						1000	2677	1152,6			201	1110	
5.6	Cơ sở hạ tầng thương mại			185								94	91					
5.7	Trạm y tế xã			314								314						
5.8	Công trình cung cấp nước sinh hoạt			26								12	14					
5.9	Công trình xử lý môi trường																	
5.10	Công trình khác			3042,93								1084,44	1958,49					
6	Thông tin và truyền thông cơ sở			932								425	506					



Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2016-2018

TT	Nội dung đầu tư	Khối lượng thực hiện		Tổng số	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp						Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
		ĐVT	Số lượng		Tổng số	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương						
						Tổng số	TPCP	ĐTPT	SN	Tỉnh					Huyện
7	Phát triển SX theo chuỗi liên kết			308								308			
8	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp			300								300			
9	Hỗ trợ phát triển HTX														
10	Phát triển ngành nghề nông thôn														
11	Đào tạo nghề phi nông nghiệp														
12	Đào tạo nghề nông nghiệp														
13	Phát triển giáo dục ở nông thôn			83								83			
14	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn			216								216			
15	Vệ sinh môi trường nông thôn			36								36			
16	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề														
17	Đào tạo cho công chức xã			135								135			
18	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn			1590								1590			
19	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã			255								255			
20	Nội dung khác (nếu có)			830,98								830,98			



RÀ SOÁT MỤC TIÊU PHẢN ĐÁU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND TP Uông Bí)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu phấn đấu đến 2020 (theo KH 7819)	Kết quả đạt được đến năm 2018	Đề xuất điều chỉnh mục tiêu phấn đấu đến 2020 (Nếu có)	Lý do, căn cứ đề xuất
1	Xã đạt chuẩn nông thôn mới					
1.1	Số xã đạt chuẩn	số xã	2	2	2	
1.2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%				
1.3	Bình quân tiêu chí/xã	tiêu chí/xã	20	18,5	20	
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		2		2	
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu		1		1	
4	Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu		7		7	
5	Vườn mẫu nông thôn mới		110	13	110	
6	Hộ gia đình nông thôn mới kiểu mẫu		110	13	110	

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG NĂM 2018
CĂN CỨ THEO QUYẾT ĐỊNH 4335 NGÀY 23/12/2016 CỦA UBND TỈNH QUẢNG NINH**

(Kèm theo báo cáo số 516/BC-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Uông Bí)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn cần đạt	Xã Điền Công	Xã Thượng Yên Công
BQ tiêu chí đạt				19/20	18/20
BQ chỉ tiêu đạt				50/53	48/53
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)	100% (100% cứng hóa)
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥ 90	90%	90%
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥99%	100%	100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt

		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	100%	100%	100%
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Xã có phủ sóng truyền hình QTV	100%	100%	100%
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥90%	95%	90%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (<i>Năm 2017: xã khu vực I là 37 triệu đồng/người; các xã khu vực II,III là 26 triệu đồng/người</i>)	≥50	42	38,3
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤2%	1,02	1,54
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Đạt	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥90%	95%	90%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥45%	60%	46 %
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤13,9%	9,04%	12,5 %
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
78		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥98% (≥65% nước sạch)	100% (90% nước sạch)	99,6% (80% nước sạch)

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥90%	95%	90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥80%	94,6%	78%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%
		V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt
20	Khu dân cư (thôn) nông thôn mới kiểu mẫu	20.1. Tỷ lệ thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn kiểu mẫu	50-60%	chưa đạt	chưa đạt
		20.2. Tỷ lệ hộ gia đình kiểu mẫu	70%	Chưa đạt	Chưa đạt
		20.3. Tỷ lệ hộ xây dựng mô hình vườn mẫu	70%	Chưa đạt	Chưa đạt